TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2023
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh;

2. Bà Hoàng Thị Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố X, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đồng Huy T, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố X, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2022 (Gửi đến Tòa án ngày 01/11/2022), trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim C trình bày: Bà C và bị đơn là ông Đồng Huy T tự nguyện sống chung từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (Nay là huyện B) ngày 19/7/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại xã B, huyện D (Nay

là phường B, thành phố D), tỉnh Bình Dương. Quá trình sống chung, vợ chồng chỉ có 01 con duy nhất là cháu Đồng Huy T1, sinh ngày 19/9/2022. Từ tháng 01/2021, bà C, ông T xây dựng nhà riêng và chuyển khẩu cả gia đình về sinh sống, thường trú tại Ấp Y, xã T (Nay là Khu phố Y, thị trấn T), huyện B, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Năm 2016, khi vợ chồng còn chung sống tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, giữa bà C và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột vợ chồng xuất phát từ nguyên nhân do độ tuổi vợ chồng chênh lệch nhau quá lớn, cách nghĩ, cách làm, sinh hoạt, nuôi dạy con cái trái ngược nhau. Từ tháng 01/2021, khi cả gia đình chuyển về thị trấn T, huyện B sinh sống cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng chẳng những không cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không nói chuyện cùng nhau, người này bỏ mặc người kia muốn sống ra sao thì sống. Xét thấy quan hệ hôn nhân không còn hạnh phúc, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chồng là ông Đồng Huy T. Khi ly lôn, con chung là cháu Đồng Huy T1 đã trên 18 tuổi, đang theo học đại học nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung vợ chồng bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận đơn khởi kiện, theo yêu cầu của bà C Tòa án chuyển đến Hòa giải viên tiến hành hòa giải nhưn cả hai lần ông Đồng Huy T đều không đến Tòa án tham gia hòa giải, Hòa giải viên lập thủ tục chấm dứt việc hòa giải chuyển sang Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, cán bộ Tòa án kết hợp cùng Cảnh sát khu vực, Công an viên thị trấn T, huyện B trực tiếp đến nơi ở của bị đơn Đồng Huy T gặp và trực tiếp tống đạt các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa lần 1), ông T có mặt tại nhà nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng và không ký nhận văn bản tố tụng với lý do không muốn đến Tòa án, không có thời gian đến Tòa án làm làm việc. Cán bộ Tòa án đã lập các biên bản về việc đương sự từ chối nhận văn bản tố tụng có sự chứng kiến, xác nhận của Công an thị trấn T, huyện B lưu vào hồ sơ vụ án đúng quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông T cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C.

- Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Đồng Huy T, con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và không bổ sung, rút, thay đổi yêu cầu nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn Phạm Thị Kim C đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật; bị đơn Đồng Huy T từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi ý kiến chấp nhận hay phản đối, phản tố yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định pháp luật; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng theo quy định pháp luật. Việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Viện Kiểm sát không kiến nghị khắc phục nào khác. Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim C đối với ông Đồng Huy T là có cơ sở chấp nhận; con chung đã trên 18 tuổi, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết đề nghị Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Đồng Huy T có nơi cư trú tại Khu phố Y, thị trấn T, huyện B (Theo căn cước công dân, xác nhận cư trú, biên bản xác minh ngày 06/3/2023). Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các biên bản xác định bị đơn Đồng Huy T có mặt tại nơi cư trú tại thời điểm cán bộ Tòa án đến tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng với lý do không có thời gian đến Tòa án tham gia tố tụng. Sự việc bị đơn từ chối nhận các văn bản tố tụng có sự chứng kiến của Cảnh sát khu vực - Công an thị trấn T, huyện B nên việc tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn Đồng Huy T là hợp lệ, đúng quy định pháp luật tại Điều 174 và khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Đồng Huy T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Đồng Huy T, bà Phạm Thị Kim C sống chung năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định pháp luật, một trong các bên, hoặc cả vợ và chồng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà C cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016 và kéo dài đến nay, nguyên

nhân do vợ chồng trái ngược nhau về quan điểm sống do chênh lệch tuổi tác, không hòa hợp trong sinh hoạt, nuôi dạy con cái, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu được ly hôn. Ông T biết việc khởi kiện xin ly hôn của bà C nhưng từ chối đến Tòa án tham gia hòa giải để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình nghĩa gia đình. Do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C đối với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Bà C, ông T có con duy nhất là anh Đồng Huy T1, sinh ngày 19/9/2002, tính đến thời điểm xét xử, anh T1 đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Kim C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C đối với ông Đồng Huy T về việc xin ly hôn.

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim C được ly hôn với ông Đồng Huy T.

1.2. Về con chung: Con chung đã trên 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0010218 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh